**CHƯƠNG VIII. SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG**

**BÀI 41 MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC NHÂN TỐ SINH THÁI (2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nêu được khái niệm môi trường sống của sinh vật; phần biệt được bốn loại môi  
trường sống chủ yếu và lấy được ví dụ minh hoạ.

[- Nêu được khái niệm nhân tố sinh thái; phần biệt được nhân tố vô sinh và hữu sinh; lấy](https://blogtailieu.com/?p=21647) được ví dụ minh hoạ các nhân tố và ảnh hưởng của nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật.

- Trình bày được khái niệm và lấy được ví dụ về giới hạn sinh thái

**2. Năng lực**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong học tập khi tìm hiểu về môi trường sống của sinh vật.

+ Giao tiếp và hợp tác: Xác định nội dung hợp tác nhóm, trao đổi về môi trường sống của sinh vật, nhân tố vô sinh, nhân tố hữu sinh.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng học được của bài tế bào để giải quyết vấn đề liên quan trong học tập và trong cuộc sống.

- Năng lực khoa học tự nhiên:

+ Nhận thức khoa học tự nhiên:

* Trình bày được khái niệm môi trường sống của sinh vật
* Nêu được khái niệm nhân tố sinh thái
* Phân biệt được bốn loại môi trường sống chủ yếu của sinh vật
* [Nêu được khái niệm nhân tố sinh thái; phần biệt được nhân tố vô sinh và hữu sinh; lấy](https://blogtailieu.com/?p=21647) được ví dụ minh hoạ các nhân tố và ảnh hưởng của nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật

+ Năng lực tìm hiểu khoa học tự nhiên: Quan sát, phân biệt được nhân tố vô sinh, nhân tố hữu sinh

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: - Nhận ra và giải thích được một số hiện tượng liên quan trong thực tiễn như: trong từng điều kiện khác nhau có biện pháp nuôi trồng các sinh vật cho phù hợp, gieo trồng đúng thời vụ, xác định đất đai, điều kiện khí hậu phù hợp.

**3. Phẩm chất.**

- Yêu thích thế giới tự nhiên, yêu thích khoa học.

- Quan tâm đến nhiệm vụ của nhóm.

- Có ý thức hoàn thành tốt các nội dung thảo luận trong môn học.

**II. THIẾT BỊ DẠY VÀ HỌC LIỆU**

- Các hình ảnh trong SGK hoặc các hình ảnh tương tự.

- Tìm hiểu một số loài sinh vật thường gặp sống trong các loại môi trường (đặc biệt là  
môi trường trong đất) để lấy ví dụ hoặc nhận xét câu trả lời của HS.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**Hoạt động 1: Chơi trò chơi “Những bài tay tài hoa”**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập và giúp HS chuẩn bị tâm thế cho việc học thông qua quan sát hình ảnh và dự đoán cầu trả lời của câu hỏi nghi vấn.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS lắp ráp các mảnh ghép lego đã được cho sẵn.

c. Sản phẩm: Một mô hình logo hoàn thiện.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| - **Thông báo luật chơi:** GV chiếu trên màn hình tranh những mảnh ghép lego và đặt câu hỏi nhận biết về sự vật | - Trả lời tên sự vật trên màn hình |
| - **Giao nhiệm vụ:**  + Mỗi nhóm có 3 phút để lắp ghép một mô hình lego tùy ý.  + Nhóm nào có mô hình đẹp nhất sẽ được tính 1 điểm + | - Ghi nhớ luật chơi  - Nhận nhiệm vụ |
| - **Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ**  + GV hỗ trợ các nhóm khi cần thiết |  |
| - **Thu sản phẩm của các nhóm** | - Nộp mô hình sản phẩm |
| **- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:**  GV lưu ý HS các vẩn đề cần giải quyết trong bài học: Môi trường sống là gì?  Nhũng yếu tố nào tạo nên môi trường sống? Có nhũng loại môi trường sống nào?  Đó cũng chính là nội dung của bài học ngày hôm nay. | - Chuẩn bị sách vở học bài |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Khái quát chung về tế bào.**

**Tiết 1. Hoạt động 2: Môi trường sống**

a. Mục tiêu: HS nhận ra khái niệm môi trường sống – các loại môi trường sống

b. Nội dung: HS quan sát H 41.1 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS kết luận được thế nào là môi trường sống – các loại môi trường sống

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| - **Giao nhiệm vụ**: Quan sát H 41.1; 41.2 và trả lời câu hỏi:  ? Cây xanh chịu ảnh hưởng của những nhân tố nào?  ? Xác định các loại môi trường sống được thể hiện trong hình 41.2? | - Nhận nhiệm vụ |
| - **Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ**  + HS quan sát hình và trả lời câu hỏi | - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân |
| - **Báo cáo kết quả**  + Mời một số HS trả lời câu hỏi  + Mời HS khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi HS khác bổ sung | - HS được chọn trả lời câu hỏi  - HS khác nhận xét |
| **- Tổng kết:**  🡪 Môi trường sống là nơi sống của sinh vật, bao gồm các nhân tố xung quanh sinh vật, có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự tồn tại và phát triển của chúng.  -Các loại môi trường sống chủ yếu bao gồm: môi trường trên cạn, môi trường nước, môi trường trong đất và môi trường sinh vật.  - GV sử dụng thêm hình ảnh minh họa  - GV giới thiệu thêm mặc dù trong không khí có sự tồn tại của sinh vật (chim, côn trùng, bào tử vi sinh vật ,..) nhưng chúng không thể tồn tại và phát triển chỉ trong không khí.  GV mở rộng cho HS làm việc cá nhân sắp xếp các sinh vật vào 4 loại môi trường. | - Ghi kết luận vào vở |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu về nhân tố sinh thái**

a. Mục tiêu:

- Biết được nhân tố sinh thái là gì.

- Phân biệt được nhân tố vô sinh và nhân tố hữu sinh

b. Nội dung: HS quan sát H 41.1 thảo luận nhóm

c. Sản phẩm: HS nhận xét sự khác nhau giữa nhân tố vô sinh và nhân tố hữu sinh

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| - **Giao nhiệm vụ:**  + Quan sát hình 41.1, hãy cho các nhân tố sinh thái không khí, ánh sáng, nhiệt độ, con người, kẻ thù,… được chia thành mấy nhóm?  + Qua quan sát H 41.1 HS thảo luận nhóm (3p) | - Nhận nhiệm vụ |
| - **Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ**  + Hướng dẫn các nhóm quan sát và so sánh các nhóm nhân tố sinh thái | - HS nghiên cứu hình vẽ, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi |
| - **Báo cáo kết quả**  + Gv gọi đại diện của mỗi nhóm lên trình bày nội dung đã thảo luận  + GV chỉ định ngẫu nhiên HS khác bổ sung  + GV yêu cầu các nhóm nhận xét sự thay đổi của nhóm nhân tố sinh thái vô sinh. | - Các nhóm trình bày kết quả  - HS khác nhận xét |
| - **Tổng kết:**  - Các nhân tố trong môi trường ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của sinh vật được gọi là các nhân tố sinh thái.  - Các nhân tố sinh thái được xếp vào hai nhóm: nhân tố sinh thái vô sinh – là các yếu tố không sống của môi trường và nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh – là các yếu tố sống của môi trường (bao gồm con người và các sinh vật khác).  - Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái đến sinh vật:  a) Ảnh hưởng của các nhân tố vô sinh và sinh vật:  - Ánh sáng, nhiệt độ... là những nhân tố vô sinh có ảnh hưởng thường xuyên đến sinh vật. Thực vật thích nghi khác nhau trong các điều kiện chiếu sáng khác nhau, được chia thành hai nhóm chủ yếu là cây ưa sáng và cây ưa bóng.  - Ánh sáng tạo điều kiện cho động vật nhận biết các vật và định hướng di chuyển trong không gian. Nhiệt độ môi trường có ảnh hưởng tới hình thái, hoạt động sinh lý của sinh vật.  b) Ảnh hưởng của các nhân tố hữu sinh:  - Mỗi sinh vật sống trong môi trường đều trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng tới các sinh vật sống xung quanh.  GV giảng kiến thức: Nhân tố sinh thái vô sinh là nhũng nhân tố vật lí, hoá học. Nhân tố sinh thái hữu sinh là nhân tố sinh vật. Đơn giản hơn, nhân tố sinh thái hữu sinh là những sinh vật, nhân tố vô sinh là các nhân tố còn lại. | - Kết luận về các nhân tố sinh thái  - Ghi kết luận vào vở |

**Tiết 2 Hoạt động 4: Giới hạn sinh thái**

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được giới hạn sinh thái, khoảng thuận lợi, giới hạn trên, giới hạn dưới,…

- Vận dụng giải thích các hiện tượng thực tế.

b. Nội dung: HS quan sát H 41.3, hoàn thành câu hỏi vận dụng

c. Sản phẩm:

- Chỉ ra được khái niệm giới hạn sinh thái, khoảng thuận lợi, giới hạn trên, giới hạn dưới,…

- Giải thích các hiện tượng thực tế.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| GV phần tích sơ đổ mô tả giới hạn sinh thái của sinh vật (Hình 41.3) để HS hiểu [được nội hàm của các khái niệm: giới hạn sinh thái, khoảng thuận lợi, khoảng chống chịu,](https://blogtailieu.com/?p=21647) giới hạn trên, giới hạn dưới, ngoài giới hạn chịu đựng. Các khái niệm này có thể coi là các kiến thức nên để phát triển năng lực cho HS bằng các hoạt động khác.  - **Giao nhiệm vụ:**  ? Cá rô phi ở Việt Nam sống và phát triển ở khoảng nhiệt độ nào?  ? Nhiệt độ nào cá rô phi sinh trưởng, phát triển thuận lợi nhất?  ? Vì sao dưới 5,6 oC và trên 42oC thì cá rô phi sẽ chết? | - Nhận nhiệm vụ |
| - **Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ**  + Hướng dẫn các nhóm quan sát và tìm hiểu | - HS nghiên cứu hình vẽ, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi |
| - **Báo cáo kết quả**  + Gv gọi đại diện của mỗi nhóm lên trình bày nội dung đã thảo luận  + GV chỉ định ngẫu nhiên HS khác bổ sung  + GV nhận xét, chiếu giáo án, kiểm tra sản phẩm của các nhóm, đưa các nhóm chấm chéo nhau | - Đại điện các nhóm trình bày kết quả  - HS khác nhận xét |
| - **Tổng kết**: Giới hạn sinh thái là khoảng giá trị của một nhân tố sinh thái mà sinh vật có thể sinh sản và phát triển bình thường | - Kết luận về giới hạn sinh thái  - Ghi kết luận vào vở |

**Hoạt động 5: Ghi nhớ - Tổng kết – Luyện tập**

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học trong bài trả lời các câu hỏi

b. Nội dung: Sử dụng hệ thống câu hỏi tự luận

c. Sản phẩm: Là kết quả thảo luận hay làm việc cá nhân để thực hiện được mục tiêu.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** |
| - **Giao nhiệm vụ:**  GV chiếu các câu hỏi, bài tập SGK, yêu cầu làm việc cá nhân | - Nhận nhiệm vụ |
| - **Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ**  + Hướng dẫn HS quan sát và trả lời câu hỏi | - HS vận dụng kiến thức trả lời |
| - **Báo cáo kết quả**  + Gv gọi đại diện HS trả lời  + GV chỉ định ngẫu nhiên HS nhận xét.  + GV nhận xét | - Đại điện HS trả lời  - HS khác nhận xét |
| - **Tổng kết:**  + Thông qua nội dung trả lời GV đánh giá kết quả làm việc của HS.  + Chuẩn hóa kiến thức.  ? Cá chép ở Việt Nam chết ở nhiệt độ dưới 2oC và trên 44oC, phát triển thuận lợi nhất ở 28oC. So sánh với cá rô phi ở Việt Nam thì loài nào có giới hạn sinh thái về nhiệt độ rộng hơn? Loài nào có vùng phân bố rộng hơn?  🡪 Giới hạn sinh thái về nhiệt độ của cá rô phi là: 5,6oC – 42oC, của cá chép là: 2oC – 44oC  🡪 Vì vậy cá chép có giới hạn sinh thái về nhiệt độ rộng hơn cá rô phi.  Do đó, cá chép có vùng phân bố rộng hơn.  ? Ở một địa phương, người ta có ý định nhập nội ba loài cá (A, B, C) về nuôi. Nhiệt độ trung bình trong năm tại đây dao động từ 15oC đến 30oC. Dựa vào thông tin về giới hạn sinh thái nhân tố nhiệt độ của mỗi loài cá (Hình 41.4), hãy cho biết nên nhập loại cá nào để nuôi tại đây và giải thích.  🡪 - Nên nhập loại cá B  - Vì: khoảng nhiệt độ trung bình trong năm tại địa phương này là từ 15oC đến 30oC, giới hạn chịu đựng của loài cá B là 5oC đến 38oC , trong khi đó loài cá A giới hạn trên là 14oC nên khi nhiệt độ cao trên 14oC nó sẽ chết; loài cá C giới hạn dưới là 34oC, nhiệt độ dưới 34oC nó cũng không sống được | - Ghi kết luận vào vở |

**C. Dặn dò**

- HS đọc phần Em có biết, SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp.

**D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Tốt** | **Khá** | **TB** | **Chưa đạt** |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Chủ động chia sẽ thông tin và học hỏi cá thành viên trong nhóm |  |  |  |  |
| Ghi chép đầy đủ các kiến thức trọng tâm |  |  |  |  |
| Vận dụng các kiến thức đã học |  |  |  |  |